

NGHIÊN CỨU THÀNH PHẦN LOÀI VÀ XÂY DỰNG BỘ SƯU TẬP CÁC LOÀI RẮN Ở TỈNH ĐỒNG THÁP

RESEARCHING THE SPECIES COMPOSITION AND BUILDING A COLLECTION OF SNAKES IN DONG THAP PROVINCE

Hoàng Thị Nghiệp

Trường Đại học Đồng Tháp

Email: ht_nghiep@yahoo.com

TÓM TẮT

Xây dựng bộ mẫu vật dùng để giảng dạy là việc làm rất có ý nghĩa, đặc biệt trong giảng dạy sinh học việc ứng dụng mẫu thật sẽ góp phần nâng cao chất lượng của giờ dạy. Từ những lý do trên, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu thành phần loài và xây dựng bộ sưu tập mẫu vật các loài rắn ở tỉnh Đồng Tháp. Quá trình nghiên cứu trên thực địa tiến hành từ năm 2008 đến năm 2012, địa bàn thu mẫu được chọn tại các huyện trong tỉnh Đồng Tháp. Kết quả nghiên cứu đã thống kê 32 loài rắn xếp vào 21 giống, 6 họ phân bố ở tỉnh Đồng Tháp. Trong đó họ rắn nước (Colubridae) có 13 giống (chiếm 61,9% tổng số giống của tỉnh), họ rắn hổ (Elapidae) có 3 giống (chiếm 14,28% tổng số giống của tỉnh), các họ còn lại mỗi họ có một giống (chiếm 5,9% tổng số giống của tỉnh). Từ nguồn mẫu vật thu được ngoài tự nhiên, chúng tôi đã tiến hành xử lý, định hình và tiến hành xây dựng bộ mẫu vật trưng bày tại phòng thí nghiệm động vật, khoa sinh học, trường đại học Đồng Tháp, bộ mẫu được xây dựng với mục đích giảng dạy, nghiên cứu cũng như tiến tới góp phần xây dựng bảo tàng sinh học.

Từ khóa: bộ mẫu vật; bộ sưu tập rắn; tỉnh Đồng Tháp

ABSTRACT

The construction of the specimens used for the teaching process is significant; particularly in teaching biology, the applications of real samples will contribute to improving the quality of teaching. From the above reasons, we have conducted a study on species composition and built a collection of snakes in Dong Thap province. The process of field research was conducted from 2008 to 2012, and the selected sampling areas were in the districts in Dong Thap province. Research results listed 32 species of snakes belonging to 21 genera and 7 families, distributed in Dong Thap province. There are 13 genera (57.14% of the total) in the Colubridae family, 3 genera (14.28% of the total) in the Elapidae family and 1(4.7% of the total) for each of the rest. From the specimens collected in the wild, we have processed, shaped and built a collection of the specimens exhibited in the animal laboratory, Faculty of Biology, Dong Thap University. The collection of snakes has been built for the purpose of teaching, researching as well as contributing to the construction of the biological museum.

Key words: specimens; collection of snakes; Dong Thap province

1. Đặt vấn đề

Môi trường sống thay đổi, khai thác quá mức và nhiều nguyên nhân khác đang làm mất đi sự có mặt của nhiều sinh vật trên trái đất, các loài rắn hiện nay cũng đang nằm trong sự đe dọa đó. Do đó việc bảo tồn động vật hoang dã nói chung và các loài rắn nói riêng là một việc làm hết sức cấp bách hiện nay. Để làm được việc này thì công tác nghiên cứu về khu hệ động vật ở từng địa phương là rất cần thiết. Qua điều tra, định loại sinh vật giúp chúng ta phát hiện các loài có ích, loài đặc hữu, loài quý hiếm, hoặc loài có nguy cơ tuyệt chủng để tạo điều kiện bảo tồn, khôi phục. Đây là nhiệm vụ không chỉ của mỗi quốc gia, mà cần có sự phối hợp của cả cộng đồng.

Tuy nhiên, hiện nay các công trình nghiên cứu về thành phần loài động vật ở từng địa phương chưa được khảo sát kỹ trong đó có các loài rắn, thậm chí có vùng còn bỏ trống. Mặt khác, hiện nay Khoa Sinh học, Trường Đại học Đồng Tháp đang cần có một bộ mẫu vật các loài giúp cho việc giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên, hơn nữa việc thu thập mẫu rắn là bước đầu góp phần chuẩn bị cho việc xây dựng phòng trưng bày động vật, tiến tới xây dựng Bảo tàng sinh học Đồng Tháp Mười sau này.

2. Thời gian, địa điểm và phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành các đợt khảo sát và thu mẫu trên thực địa từ tháng 4 năm 2008 đến tháng

12 năm 2010. Các điểm thu mẫu và khảo sát được thực hiện ở các huyện của tỉnh Đồng Tháp.

Mẫu vật được thu trực tiếp bằng tay, bằng thòng lọng hoặc gậy, thu vào ban ngày và ban đêm ở các điểm khảo sát trên thực địa. Một số mẫu được mua lại ở các điểm mua bán động vật hoang dã và các chợ trung tâm của các huyện. Mẫu vật thu được sẽ chụp hình lúc còn sống, sau đó được định hình bằng phormol 4% trong 24 giờ, rồi bảo quản trong cồn 79⁰. Ngoài ra, chúng tôi pha hoá chất và đặt ở các địa điểm thu mẫu để nhờ người dân, các thợ săn và các nhà buôn bán rắn thu mẫu thường xuyên.

Phỏng vấn những người thường tiếp xúc với các loài rắn (thành phần loài, tên địa phương, nơi phân bố, đặc điểm hình thái, giá mua bán...) phỏng vấn được lặp lại nhiều lần, nhiều người để tăng độ chính xác.

Mẫu vật sau khi đã phân tích các số liệu về hình thái theo viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, được định tên khoa học dựa vào tài liệu

của Đào Văn Tiến [7], [8]; Nguyễn Văn Sáng và cộng sự [6], [11]; S. M. Campden - Main [10].

Mỗi cá thể sau khi định tên khoa học được gắn nhãn gồm tên Việt Nam, tên địa phương, tên giống, tên họ và định hình trong bình thủy tinh để tiến hành xây dựng bộ mẫu sử dụng trong giảng dạy và nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thành phần loài

Từ nguồn mẫu vật thu được qua các đợt đi thực địa, kết hợp với điều tra người dân, thợ săn, người buôn bán rắn và tổng hợp, kế thừa các tài liệu liên quan, bước đầu đã xác định được 32 loài rắn thuộc 17 giống, 6 họ phân bố ở tỉnh Đồng Tháp. Danh lục thành phần loài theo Bảng 1.

Bảng 1. Danh lục thành phần loài rắn ở tỉnh Đồng Tháp

TT (1)	Tên khoa học (2)	Tên Việt Nam (3)	Giá trị sử dụng (4)	
			TP	TH
	1. Typhlopidae	1. Họ Rắn giun		
1	<i>Ramphotyphlops braminus</i> (Daudin, 1803)	Rắn giun thường		+
	2. Cyliodrophiidae	2. Họ Rắn hai đầu		
2	<i>Cylindrophis ruffus</i> (Laurenti, 1768)	Rắn hai đầu	+	
	3. Boidae	3. Họ Trăn		
3	<i>Python molurus</i> (Linnaeus, 1758)	Trăn đất	+	+
	4. Xenopeltidae	4. Họ Rắn mỏng		
4	<i>Xenopeltis unicolor</i> Reinwardt, 1827	Rắn mỏng	+	+
	5. Colubridae	5. Họ Rắn nước		
5	<i>Ahaetulla nasuta</i> (Lacépède, 1789)	Rắn roi mõm nhọn		+
6	<i>Ahaetulla prasina</i> (Reinhardt, in Boie, 1827)	Rắn roi thường		+
7	<i>Chrysopelea ornata</i> (Shaw, 1802)	Rắn cườm		+
8	<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie, 1827)	Rắn sọc dưa	+	
9	<i>Dendrelaphis pictus</i> (Gmelin, 1789)	Rắn leo cây		+
10	<i>Oligodon cinereus</i> (Gunther, 1864)	Rắn khiếm xám		
11	<i>Oligodon fasciolatus</i> (Gunther, 1864)	Rắn khiếm đuôi vòng		
12	<i>Oligodon ocellatus</i> (Morice, 1875)	Rắn khiếm vân đen		
13	<i>Oligodon taeniatus</i> (Gunther, 1861)	Rắn khiếm vạch		
14	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)	Rắn ráo thường	+	
15	<i>Ptyas mucosa</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn ráo trâu	+	
16	<i>Cerberus rhynchops</i> (Schneider, 1799)	Rắn séc be	+	
TT (1)	Tên khoa học (2)	Tên Việt Nam (3)	Giá trị sử dụng (4)	
			TP	TH
17	<i>Enhydris bocourti</i> (Jan, 1865)	Rắn bông voi	+	

18	<i>Enhydris chinensis</i> (Gray, 1842)	Rắn bông trung quốc	+	
19	<i>Enhydris enhydris</i> (Schneider, 1799)	Rắn bông súng	+	
20	<i>Enhydris innominata</i> (Morice, 1875)	Rắn bông không tên	+	
21	<i>Enhydris plumbea</i> (Boie in: Boie, 1827)	Rắn bông chì		
22	<i>Enhydris subtaeniata</i> (Bourret, 1934)	Rắn bông mê không	+	
23	<i>Erpeton tentaculatum</i> (Lacépède, 1800)	Rắn râu	+	
24	<i>Homalopsis buccata</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn ri cá	+	
25	<i>Amphiesma stolatum</i> (Linnaeus, 1758)	Rắn sãi thường		
26	<i>Rhabdophis subminiatus</i> (Schlegel, 1837)	Rắn hoa cỏ nhỏ	+	
27	<i>Xenochrophis flavipunctatus</i> (Hallowell, 1861)	Rắn nước	+	
	6. Elapidae	6. Họ Rắn hổ		
28	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)	Rắn cạp nong		+
29	<i>Naja naja</i> Cantor, 1842	Rắn hổ mang		+
30	<i>Naja siamensis</i> Laurenti, 1768	Rắn hổ mang thái lan		+
31	<i>Ophiophagus hannah</i> (Cantor, 1836)	Rắn hổ chúa		+
	7. Viperidae	7. Họ Rắn lục		
32	<i>Cryptelytrops albolabris</i> (Gray, 1842)	Rắn lục mép trắng		+

Chú thích: *Cột (4)*: (TP): Dùng làm thực phẩm, (TH): Dùng làm thuốc.

Từ danh lục thành phần loài rắn ở Bảng 1, chúng ta có một số nhận xét về đặc điểm cấu trúc của khu hệ rắn ở tỉnh Đồng Tháp như sau:

Họ Rắn nước (Colubridae) có nhiều giống và loài nhất, với 13 giống chiếm 61,9% số giống trong tỉnh; có 23 loài chiếm 71,87% số loài trong tỉnh.

Họ Rắn hổ (Elapidae) có 3 giống chiếm 14,28% số giống trong tỉnh; có 4 loài chiếm 12,5% số loài của tỉnh.

Các họ còn lại gồm: Họ Rắn giun (Typhlopidae), Rắn hai đầu (Cylindrophiiidae), Họ Trăn (Boidae), Họ Rắn mồng (Xenopeltidae), Họ

Rắn lục (Viperidae) mỗi họ chỉ có 1 giống và 1 loài.

3.2. Mức độ quý hiếm của khu hệ rắn ở tỉnh Đồng Tháp

Từ danh lục thành phần loài kết hợp với các tài liệu liên quan, mức độ quý hiếm của các loài rắn ở tỉnh Đồng Tháp được thể hiện trong Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Các loài rắn quý hiếm ở tỉnh Đồng Tháp

TT (1)	Tên khoa học (2)	SD 2007 (3)	IUCN (4)	NĐ 32 (5)	Công ước CITES (6)
1	<i>Python molurus</i> (Linnaeus 1758)	CR	LR	IIB	I
2	<i>Coelognathus radiatus</i> (Boie, 1827)	VU		IIB	
3	<i>Ptyas korros</i> (Schlegel, 1837)	EN			
4	<i>Ptyas mucosa</i> (Linnaeus, 1758)	EN		IIB	II
5	<i>Enhydris bocourti</i> (Jan, 1865)	VU			
6	<i>Bungarus fasciatus</i> (Schneider, 1801)	EN		IIB	
7	<i>Naja atra</i> Cantor, 1842	EN		IIB	II
8	<i>Naja siamensis</i> Laurenti, 1768				II
9	<i>Ophiophagus hannah</i> (Cantor, 1836)	CR	VU	IB	II
Tổng cộng		8	2	6	5

Ghi chú: *Cột 3*: Sách Đỏ Việt Nam (2007), mô tả các loài động vật bị đe dọa cấp Quốc gia; CR = Rất nguy cấp; EN = Nguy cấp; VU = Sẽ nguy cấp [1].

Cột 4: Danh lục Đỏ Thế giới (2011), CR = Rất nguy cấp; EN = Nguy cấp; NT: Gần nguy cấp; VU = Sẽ nguy cấp; LR= Sắp bị đe dọa [9].

Cột 5: Nghị định 32/2006/NĐ - CP về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành ngày 30/3/2006. Chính phủ, số

32/2006/NĐ [4].

Cột 6: Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước CITES, ban hành kèm theo Quyết định số 54/2006/QĐ/BNN, Hà Nội [3].

Từ kết quả xác định các loài rắn quý hiếm ở tỉnh Đồng Tháp trong Bảng 2 nhận thấy: Có 9 loài quý hiếm (chiếm 28,12% số loài của tỉnh) được liệt kê trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, Danh lục Đỏ Thế giới 2011, Nghị định 32/2006 của Chính phủ và Công ước CITES năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn. Đáng chú ý có 2 loài rắn (chiếm 22,22% tổng số loài quý hiếm của khu hệ) thuộc cấp CR, đó là Trăn đất (*Python molurus*), Rắn hổ chúa (*Ophiophagus hannah*). Điều này nói lên tính chất quý hiếm và nguy cấp của các loài rắn ở đây, nên chúng ta có biện pháp bảo vệ và khai thác chúng hợp lý.

3.3. Mức độ thường gặp và tình hình khai thác, sử dụng các loài rắn

Đặc trưng của tỉnh Đồng Tháp có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, nên các loài trong Họ Rắn nước (Colubridae) rất phong phú về số lượng loài và phân bố khá đồng đều trong vùng nghiên cứu. Rất nhiều loài trong Họ Rắn nước (Colubridae) như: *Enhydryis enhydryis*, *E. innominata*, *E. subtaeniata*, *E. plumbea*, *Ptyas korros*, *Coelognathus radiatus*, *Homalopsis buccata*, *Erpeton tentaculatum*, *Chrysopelea ornata*, *Dendrelaphis pictus*, *Aheatulla nasuta*... về mùa nước chúng ta rất dễ bắt gặp chúng ở mọi sinh cảnh. Các loài trong Họ Rắn hổ (Elapidae) và Họ Rắn lục (Viperidae) hầu như rất hiếm gặp.

Các loài rắn ở tỉnh Đồng Tháp đang bị khai thác với số lượng lớn để làm thức ăn, làm thuốc. Đặc biệt, ở đây việc buôn bán chúng diễn ra một cách công khai, rộng rãi ở các chợ, hầu hết các chợ trung tâm của huyện đều có rất nhiều

chủ hộ buôn rắn cùng với các loài bò sát khác. Lực lượng tham gia săn bắt là những thợ săn chuyên nghiệp hay lực lượng nông nhân. Các loài rắn có giá trị kinh tế, làm thuốc đã trở thành đối tượng thu bắt bất kể lúc nào. Theo thống kê của quá trình nghiên cứu trên thực địa cho thấy có 16 loài (chiếm 50% số loài của tỉnh) được người dân trong vùng sử dụng làm thực phẩm và buôn bán ở các chợ thực phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, chủ yếu là các loài thuộc họ Rắn nước. Có 12 loài (chiếm 37,5% số loài của tỉnh) được người dân sử dụng ngâm rượu làm thuốc, gồm các loài thuộc họ Rắn nước, họ Rắn hổ và họ Rắn lục. Do vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung, tỉnh Đồng Tháp nói riêng là nơi có ít rừng núi, nên đối tượng để người dân ở đây khai thác làm thực phẩm ngoài các loài cá thì còn thêm các loài bò sát, trong đó nhóm rắn là đối tượng khai thác và sử dụng nhiều. Điều này nói lên giá trị sử dụng của khu hệ rắn ở đây, tuy nhiên các loài để người dân khai thác làm thực phẩm và làm thuốc đều là các loài động vật hoang dã, chưa được đưa vào thuần hóa, nuôi trồng nhằm tăng số lượng cá thể, do đó nếu việc khai thác diễn ra ồ ạt mà không có số lượng bù vào tự nhiên sẽ dễ dẫn đến nguy cơ mất đi sự đa dạng sinh học của các loài rắn ở đây.

3.4. Xây dựng bộ sưu tập các loài rắn ở Trường Đại học Đồng Tháp

Dựa trên danh sách gồm 32 loài rắn ở Đồng Tháp, kết hợp với các chỉ tiêu hình thái của mỗi loài, chúng tôi đã xây dựng khóa định loại nhanh, dùng để định loại các loài rắn hiện đã ghi nhận sự có mặt ở tỉnh Đồng Tháp. Bên cạnh mẫu vật ngâm được định hình trong bình thủy tinh, mỗi loài còn kèm theo ảnh màu được chụp lúc còn sống để người xem dễ dàng nhận dạng ra màu sắc của chúng ngoài tự nhiên.



Hình 1. Bộ mẫu vật

Hình ảnh bộ sưu tập:



Hình 2. Bộ mẫu vật

4. Kết luận

- Đã lập được danh lục gồm 32 loài rắn ở tỉnh Đồng Tháp, trong đó có 9 loài quý hiếm thuộc các cấp độ khác nhau. Có 16 loài được người dân khai thác làm thực phẩm và 12 loài sử dụng làm thuốc.

- Từ nguồn mẫu vật của 32 loài rắn thu được trong tỉnh Đồng Tháp, chúng tôi đã xây dựng bộ mẫu vật các loài rắn để trưng bày ở phòng thí nghiệm động vật, khoa Sinh học, Trường Đại học Đồng Tháp nhằm phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (2007), *Sách đỏ Việt Nam (phần Động vật)*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [2] Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (2007), *Động vật chí Việt Nam (Phân bộ rắn)*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [3] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2006), *Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước CITES*. Quyết định số 54/2006/QĐ-BNN, Hà Nội.
- [4] Chính phủ nước Cộng hòa xã Hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Nghị định về quản lý thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành ngày 30/3/2006*. Chính phủ, số 32/2006/NĐ-CP.
- [5] Ngô Đắc Chứng, Hoàng Thị Nghiệp (2008), “Thành phần loài lưỡng cư và bò sát ở tỉnh Đồng Tháp”, *Tạp chí Sinh học*, tập 30(3), trang 52-57.
- [6] Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc, Nguyễn Quảng Trường (2005), *Danh lục ếch nhái và bò sát Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- [7] Đào Văn Tiến (1981), “Khóa định loại rắn Việt Nam, phần I”, *Tạp chí Sinh vật học*, 3 (1), trang -6.
- [8] Đào Văn Tiến (1982), “Khóa định loại rắn Việt Nam, phần II”, *Tạp chí Sinh vật học*, 4(1), trang 5-9.
- [9] IUCN (2011), *The IUCN Red List of Threatened Species™* <www.redlist.org>, Downloaded on 19 May 2011.
- [10] Campden - Main S. M. (1984), *A field guide to snakes of South Vietnam*. Herpetological Seach Service & Exchange, New York.
- [11] Nguyen, V. S., Ho, T. C., Nguyen, Q. T. (2009), *Herpetofauna of Vietnam*. Edition Chimaira.